ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2014/NQ-HĐND ngày 10/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 225/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020".

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 01/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 về việc ban hành một số chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tỉnh Thái Bình giai đoạn 2009-2015; số 17/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 09/2012/QĐ-UBND ngày 10/5/2012 về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư tại tỉnh Thái Bình; các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây có nội dung trái với quy định tại Quyết định này thì bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, CT, TN&MT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: CNXDGT, TH, MCLT;
- Lưu VT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về một số chính sách khuyến khích đầu tư các dự án thuộc danh mục khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 3 Quy định này, các dự án phát triển nghề và làng nghề truyền thống và dự án công nghiệp có quy mô vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân (gọi chung là nhà đầu tư) thực hiện dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

Điều 2. Quy định chung

1. Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh Thái Bình được hưởng các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, các ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước và được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của tỉnh theo Quy định này.

2. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh

1. Các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên (không tính vốn lưu động), bao gồm:

a) Sản xuất máy nông nghiệp, ngư nghiệp; máy chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm.

b) Sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, bao gồm các linh kiện, chi tiết, thiết bị phục vụ cho việc lắp ráp sản phẩm ngành cơ khí chế tạo, ngành điện tử - tin học, ngành sản xuất lắp ráp ô tô và công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao (theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Dự án đầu tư phát triển công nghệ cao và dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế.

2. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

3. Đầu tư sản xuất hàng thủ công, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

4. Đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản thực phẩm; chợ hạng 1; siêu thị hạng 1, hạng 2; trung tâm thương mại hạng 1, hạng 2, hạng 3 đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Đầu tư xây dựng khu du lịch với các loại hình sinh thái, lịch sử, nghỉ dưỡng theo quy hoạch của tỉnh và đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

(Đối với các dự án mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao, nộp ngân sách lớn, thân thiện với môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chính sách khuyến khích đầu tư riêng).

Chương I
CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Ưu đãi về đất đai

1. Đơn giá thuê đất:

a) Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn các huyện Thái Thụy và Tiền Hải (bao gồm cả trong và ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch) hoặc thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3 Quy định này: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 0,8% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Các dự án đầu tư tại các khu vực khác trên địa bàn tỉnh:

- Trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 1,0% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Các khu vực ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 1,5% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Riêng dự án đầu tư kinh doanh thương mại, dịch vụ đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 2% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm của làng nghề truyền thống tại khu vực nông thôn đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 0,5% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Thời hạn ổn định và điều chỉnh đơn giá thuê đất:

Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất của mỗi dự án là 05 năm đối với trường hợp thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất và là 10 năm đối với trường hợp thuê đất qua đấu giá quyền sử dụng đất thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê. Hết thời hạn ổn định, đơn giá thuê đất được xác định trên trên mặt bằng giá mới tại thời điểm quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nhà đầu tư được lựa chọn một trong hai phương án: Thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất.

Điều 5. Hạ tầng kỹ thuật

1. Ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (gồm: Hệ thống thoát nước đã qua xử lý và đường giao thông) đến chân hàng rào khu công nghiệp, khu du lịch, thương mại.

2. Hỗ trợ san lấp mặt bằng:

a) Các dự án được tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng với mức là 35.000 đồng/m^2 trên tổng diện tích thực hiện san lấp (trừ các dự án quy định tại Khoản 5 Điều 3 Quy định này). Trường hợp đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mà nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và đã được hưởng chính sách hỗ trợ san lấp mặt bằng thì nhà đầu tư thứ cấp không được hưởng chính sách ưu đãi này.

b) Riêng đối với các Dự án đầu tư phát triển công nghệ cao và dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao (theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ), dự án đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp được tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng 70.000 đồng/m^2 trên tổng diện tích thực hiện san lấp; trường hợp các dự án này đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm

công nghiệp mà nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và đã được hưởng chính sách hỗ trợ san lấp mặt bằng thì sẽ được hưởng chính sách ưu đãi này với mức là 35.000 đồng/m^2.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Dự án có yêu cầu sử dụng lao động phải qua đào tạo (lao động được cấp chứng chỉ đào tạo), tuyển dụng lao động là người có hộ khẩu thường trú tại Thái Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ: Kinh phí đào tạo nghề ngắn hạn (sơ cấp nghề và học nghề dưới 3 tháng) từ ngân sách địa phương, mức hỗ trợ đào tạo nghề không quá 600.000 đồng/người/tháng nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng /người/khóa học, mỗi vị trí lao động chỉ được hỗ trợ một lần. Kinh phí này được hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng lao động khi có đủ hồ sơ, chứng từ liên quan theo hướng dẫn của cơ quan chức năng và bản cam kết sử dụng số lao động này từ 12 tháng trở lên của doanh nghiệp.

Điều 7. Hỗ trợ chi phí đổi mới khoa học công nghệ.

1. Các dự án thực hiện đổi mới công nghệ (giảm tiêu hao năng lượng, hạ giá thành sản phẩm, giảm lao động nâng cao năng lực cạnh tranh và thân thiện môi trường) được hỗ trợ 10% kinh phí đổi mới công nghệ thông qua hợp đồng, tối đa không quá 1,5 tỷ đồng.

2. Áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP, SA, IEC, GMP...): Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/lần.

3. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm hàng hóa đặc sản và hàng hóa xuất khẩu: 30 triệu đồng/sản phẩm.

4. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu quốc tế: 50% chi phí, tối đã không quá 20 triệu đồng/nhãn hiệu.

Điều 8. Hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

1. Các dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc hạng mục trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp triển khai xây dựng từ năm 2014, ngoài các ưu đãi quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy định này còn được ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 20ha, không quá 07 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 20ha, không quá 10 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 100ha, không quá 15 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 100ha.

b) Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trung và dài hạn của các ngân hàng thương mại cho 50% vốn đầu tư hệ thống xử lý nước thải trong thời hạn 2 năm kể từ ngày vay vốn nhưng tối đa không quá 3 tỷ đồng.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố làm chủ đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 20ha, không quá 07 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 20ha.

b) Phương thức hỗ trợ: Thanh toán theo tiến độ thực hiện trên nguyên tắc: 50% vốn địa phương và 50% vốn tỉnh (không quá định mức hỗ trợ đã được phê duyệt); các huyện, thành phố có thể thỏa thuận với nhà đầu tư thứ cấp về việc ứng trước phí sử dụng hạ tầng để đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung.

Điều 9. Hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề truyền thống

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất, dịch vụ phát triển nghề và làng nghề truyền thống ở nông thôn ngoài các ưu đãi quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy định này còn được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay các Ngân hàng thương mại để đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị trong vòng 03 năm đầu kể từ ngày vay vốn. Số vốn vay được hỗ trợ lãi suất không vượt quá số vốn đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị sau khi trừ đi phần vốn tự có của nhà đầu tư nêu trong dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của cụm công nghiệp làng nghề truyền thống:

a) Điều kiện hỗ trợ: Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề để di chuyển các cơ sở sản xuất từ làng nghề truyền thống ra cụm công nghiệp hoặc để mở rộng quy mô làng nghề, sản phẩm làng nghề truyền thống có nhu cầu phát triển sản lượng hoặc để thu hút các cơ sở dịch vụ thu mua, tiêu thụ và nâng cấp chất lượng sản phẩm làng nghề truyền thống.

b) Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng của cụm công nghiệp làng nghề;

c) Định mức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ không quá 50% tổng mức đầu tư và không quá 10 tỷ đồng cho 01 cụm công nghiệp làng nghề.

d) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề khi hoàn thành.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trình tự giải quyết đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư được thực hiện theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong hoạt động đầu tư tại tỉnh Thái Bình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Chỉ đạo Bộ phận Một cửa liên thông của tỉnh thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận và chuyển hồ sơ của nhà đầu tư đến các cơ quan chức năng giải quyết; trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các thủ tục ưu đãi đầu tư.

b) Chỉ đạo niêm yết công khai hồ sơ, thủ tục thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai hướng dẫn thực hiện Quy định này.

b) Hướng dẫn hồ sơ đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

c) Tổng hợp và lập báo cáo kết quả thẩm tra để tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho nhà đầu tư.

d) Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu và nguồn vốn ngân sách tập trung của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bố trí nguồn vốn cho đối tượng thụ hưởng.

đ) Chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến và Tư vấn đầu tư thuộc Sở chịu trách nhiệm là đầu mối trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu, hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục, triển khai thực hiện dự án và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giám sát và đánh giá đầu tư theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ và phân cấp theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 03/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và phần kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư thực hiện không đúng quy định của nhà nước và của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, xác định mức ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

b) Tổ chức cấp phát, thanh toán nguồn kinh phí hỗ trợ ưu đãi đầu tư cho các doanh nghiệp sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tiếp nhận giải quyết và luân chuyển hồ sơ kê khai nghĩa vụ tài chính của dự án thuê đất, chuyển đến cơ quan thuế để làm căn cứ xác định mức giá thuê đất và ký hợp đồng thuê đất đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định cho thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện việc lập hồ sơ địa chính, xác định mức giá thuê đất và ký hợp đồng thuê đất đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cho thuê đất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, xác định mức ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho nhà đầu tư theo Quy định này.

6. Sở Công Thương:

a) Chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan xác định danh mục nghề và làng nghề truyền thống.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

7. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện việc hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, tổ chức Hội đồng thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, đánh giá và nghiệm thu đảm bảo sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích và có hiệu quả.

9. Ban quản lý các khu công nghiệp: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục ưu đãi đầu tư theo Quy định này đối với các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp.

10. Cục Thuế tỉnh:

a) Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ thu tiền thuê đất, tính và thông báo tiền thuê đất, miễn giảm tiền thuê đất (nếu có) theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, xác định mức ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

11. Kho bạc Nhà nước tỉnh: Thực hiện việc chỉ đạo thu và hạch toán tiền thuê đất, giải ngân nguồn kinh phí khuyến khích hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện để nhà đầu tư tiếp cận các nguồn vốn vay đầu tư.

13. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình và các cơ quan truyền thông tập trung tuyên truyền chủ trương, quan điểm, kết quả thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

14. Các sở, ban, ngành khác và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này.

15. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ phận một cửa liên thông của tỉnh và các sở, ngành liên quan trong việc thực hiện Quy định này. Chỉ đạo cơ quan chức năng ở cấp huyện, thành phố phối hợp tổ chức thực hiện việc xác định giá thuê đất đối với các dự án của các cá nhân, hộ cá thể. Báo cáo tình hình thực hiện việc xác định giá thuê đất đối với dự án thuộc thẩm quyền về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định, xác định mức ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các dự án đầu tư vào tỉnh trước khi Quyết định này có hiệu lực đang hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh trước đây thì tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư cho thời gian còn lại.

2. Trường hợp dự án đầu tư đã thuê đất và trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất thì không phải điều chỉnh đơn giá thuê đất theo Quy định này.

3. Các dự án đầu tư đã được hưởng chính sách ưu đãi hỗ trợ theo Quy định này, nếu không thực hiện đúng dự án đã được chấp thuận hoặc chuyển nhượng dự án cho doanh nghiệp khác không đúng quy định thì phải hoàn trả lại phần kinh phí đã được hỗ trợ cho tỉnh.

4. Việc kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện ưu đãi đầu tư của doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc thì các Nhà đầu tư; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố kịp thời phản ảnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
26/09/2014 08:45:30